

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯỚNG HÓA
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 01/2020/DS-ST

Ngày: 20/5/2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯỚNG HÓA

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Phước Định;

Ông Hồ Văn Toàn;

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bé - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2020/TLST-DS ngày 04/02/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-DS ngày 05/5/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị S; sinh năm 1966; Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Ngọc V; sinh năm 1989 (theo Giấy ủy quyền ngày 05/02/2020); Điều trú tại: khóm T, thị trấn Lao Bảo, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị; Có mặt.

2. *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Thu S; sinh năm 1985; HKTT: 48 Trần Mạnh Quỳ, khóm T, thị trấn Lao Bảo, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị; Chỗ ở hiện nay: 24 Lê Hồng P, thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 02 năm 2020, các chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc V trình bày ý kiến:

Ngày 26/8/2016 chị Nguyễn Thị Thu S có vay của bà Nguyễn Thị S số tiền 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*) và hứa đến hết ngày 26/9/2017 sẽ trả lại đầy đủ cả gốc và lãi cho bà Nguyễn Thị S và đến ngày 8/12/2016 chị Nguyễn Thị Thu S tiếp tục vay của bà Nguyễn Thị S số tiền 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*) và hứa lúc nào bà Nguyễn Thị S lấy(Yêu cầu trả nợ) thì sẽ trả đủ cho bà Nguyễn Thị S cả gốc và lãi. Nhưng khi đến ngày 27/9/2017 bà Nguyễn Thị S yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu S trả lại cho bà Nguyễn Thị S số tiền hai lần vay tổng cộng là 200.000.000 đồng nhưng chị Nguyễn Thị Thu S không trả. Bà Nguyễn Thị S đã nhiều lần yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu S trả lại số tiền nêu trên nhưng chị Nguyễn Thị Thu S cứ dây dưa, trốn tránh mãi không chịu trả. Nay, bà Nguyễn Thị S yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu S trả lại cho bà Nguyễn Thị S tổng cộng số tiền 271.835.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*) và tiền lãi là 10%/ năm từ ngày vay đến ngày xét xử 20/5/2020 là 71.835.000 đồng.

*Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu S trình bày:

Ngày 26/8/2016 chị Nguyễn Thị Thu S có vay của bà Nguyễn Thị S số tiền 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*) và ngày 8/12/2016 chị Nguyễn Thị Thu S tiếp tục vay của bà Nguyễn Thị S số tiền 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*). Tổng cộng là 200.000.000 đồng với mục đích làm ăn buôn bán nhỏ lẻ và chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Vợ chồng chị Nguyễn Thị Thu S đã dùng số tiền này mua bán hàng hóa nhỏ lẻ từ Lào về Việt Nam. Số tiền kinh doanh lời được đã chi cho sinh hoạt gia đình và trả góp cho bà Nguyễn Thị S. Đến tháng 7/2019 do vợ chồng làm ăn thua lỗ, biết bà Nguyễn Thị S nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng không thể tiếp tục trả cho bà Nguyễn Thị S. Đến nay chị Nguyễn Thị Thu S đã trả cho bà Nguyễn Thị S được số tiền gốc là 120.000.000 đồng và chỉ còn nợ lại số tiền gốc là 80.000.000 đồng. Vì tin tưởng bà Nguyễn Thị S nên khi trả nợ chị Nguyễn Thị Thu S không ghi sổ hay viết giấy gì và cũng

không yêu cầu bà Nguyễn Thị S xóa sổ nợ nên không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh và không có người làm chứng, chứng kiến. Nay việc bà Nguyễn Thị S sử dụng giấy vay cũ để khởi kiện đòi tất cả số tiền đó là không đúng, chỉ Nguyễn Thị Thu S không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S.

Đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ:

Nguyên đơn: đã cung cấp các tài liệu chứng cứ: Giấy vay tiền ngày 26/8/2016 (bản gốc) và Giấy vay tiền ngày 08/12/2016 (bản gốc); Giấy chứng minh nhân dân (bản phô tô chứng thực); 01 Sổ hộ khẩu (Bản sao); 01 Giấy ủy quyền (Bản gốc)

Bị đơn: Đã cung cấp các tài liệu chứng cứ: 02 Bản tự khai ngày 11/3/2020 và ngày 05/5/2020 (bản gốc).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu S có Hộ khẩu thường trú tại 48 Trần Mạnh Q, khóm Tây Chín, thị trấn Lao Bảo, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị và quá trình giao kết, thực hiện hợp đồng tại thị trấn Lao Bảo, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa đã tiến hành thực hiện đầy đủ các quy trình tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và tiến hành hòa giải 02 lần nhưng các đương sự không thống nhất được việc giải quyết vụ án. Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu S: Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa bà Nguyễn Thị S và chị Nguyễn Thị Thu S cho nhau vay tiền được xác định như sau: Trong hai lần vay, chị Nguyễn Thị Thu S có lập giấy vay tiền với nội dung như sau: (Lần 1) “Tôi có mượn của dì S Một trăm triệu đồng chẵn. Tôi mượn từ ngày 26/8/2016 đến hết ngày 26/9/2017 tôi hứa sẽ trả đủ số tiền trên cả gốc lẫn lãi đầy đủ”. (Lần 2) Ngày 8/12/2016 “tôi có mượn của dì S 100.000.000. Khi nào dì S lấy lại tôi sẽ trả đủ cả gốc và lãi.” Các giấy vay tiền trên đều có chữ ký xác nhận của chị Nguyễn Thị Thu S. Việc thỏa thuận cho nhau vay tiền, giúp nhau làm ăn giữa bà Nguyễn Thị S và chị Nguyễn Thị Thu S trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức, không vi phạm điều cấm của pháp luật, các bên tham gia giao kết hợp đồng đều có đủ năng lực pháp luật dân sự. Nên hợp đồng vay (Lần 1) các bên có thỏa thuận lãi nhưng không ghi rõ lãi suất là bao nhiêu, thời hạn trả nợ đến hết ngày 26/9/2017 nên phù hợp với Điều 463, Điều 470 Bộ luật dân sự quy định về hợp đồng vay có kỳ hạn, hợp đồng có hiệu lực từ ngày 26/8/2016. Hợp đồng vay (Lần 2) các bên có thỏa thuận lãi nhưng không ghi rõ lãi suất là bao nhiêu, không thỏa thuận thời hạn trả nợ nên phù hợp với Điều 463, khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự, quy định về hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi, hợp đồng có hiệu lực từ ngày 8/12/2016 .

Đến hạn trả nợ, bà Nguyễn Thị S nhiều lần yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu S thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay 200.000.000 đồng nêu trên nhưng chị Nguyễn Thị Thu S không thực hiện trả nợ. Ngày 04/02/2020 bà Nguyễn Thị S khởi kiện vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa yêu cầu buộc chị Nguyễn Thị Thu S trả số tiền gốc 200.000.000 đồng tiền gốc đã vay và lãi phát sinh trên số tiền gốc tính từ ngày vay đến ngày xét xử 20/5/2020 với mức lãi suất 10%/năm. Chị Nguyễn Thị Thu S không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay đúng hạn như đã cam kết, nên việc bà Nguyễn Thị S khởi kiện đòi lại số tiền gốc: 200.000.000 đồng; và tiền lãi các lần vay như sau: (Lần 1) $100.000.000đ \times 10\%/365\text{ngày} \times 3 \text{ năm } 8 \text{ tháng } 24 \text{ ngày } (1363 \text{ ngày}) = 37.342.000 \text{ đồng}$; (Lần 2) $100.000.000đ \times 10\%/365\text{ngày} \times 3 \text{ năm } 5 \text{ tháng } 12 \text{ ngày } (1259 \text{ ngày}) = 34.493.000 \text{ đồng}$ tổng 02 lần là: 71.835.000 đồng là có căn cứ quy định tại Điều 357; Điều 463; khoản 1, 5 Điều 466 ; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 .

Đối với yêu cầu của: Chị Nguyễn Thị Thu S thừa nhận có vay tiền của bà Nguyễn Thị S để làm ăn buôn bán với tổng số tiền gốc là 200.000.000 đồng. Sau đó chị Nguyễn Thị Thu S đã trả cho bà Nguyễn Thị S tiền gốc và lãi bằng hình thức trả góp hàng tháng, đã trả số tiền gốc là 120.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị S. Chỉ còn nợ 80.000.000 đồng. Nay bà Nguyễn Thị S khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu S trả tất cả số tiền 200.000.000 đồng là không có căn cứ nên chị Nguyễn Thị Thu S không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị S.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Xét thấy việc vay nợ của các bên là tự nguyện, chị Nguyễn Thị Thu S thừa nhận, có lập thành biên nhận viết tay và ký tên hợp đồng đã phát sinh hiệu lực, nay chị Nguyễn Thị Thu S cho rằng đã trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền gốc là 120.000.000 đồng nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc đã trả số tiền nêu trên nên không có cơ sở xem xét.

Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị Nguyễn Thị Thu S phải trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền gốc đã vay chưa trả là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 71.835.000 đồng, tổng cộng là 271.835.000 đồng.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Thu S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Vì toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 357, Điều 463, khoản 1,5 Điều 466, Điều 468, Điều 469; khoản 2 Điều 470 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Thu S phải trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền 271.835.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi một triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng*). Trong đó tiền gốc 200.000.000 đồng, tiền lãi 71.835.000 đồng.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị S được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.612.000 đ (*Sáu triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001674 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hướng Hóa ngày 04/02/2020. Bà Nguyễn Thị Thu S phải chịu 13.592.000 đ (*Mười ba triệu năm trăm chín mươi hai nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả được Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, mà bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Hướng Hóa;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Chi cục THADS huyện Hướng Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Phương